

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và
kết thúc ngày 30/6/2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần MHC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần MHC là loại hình công ty cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 056428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/11/1998 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715).

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100793715, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 15/5/2019. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Tầng 8, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Bá Huy	Thành viên (từ ngày 25/4/2019) và Chủ tịch (từ ngày 26/4/2019)
Ông Lê Việt Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Tú Uyên	Thành viên (từ ngày 25/4/2019)
Ông Đặng Tiến Thành	Chủ tịch (đến ngày 25/2/2019)
Ông Nguyễn Công Tuấn	Thành viên (đến ngày 25/2/2019)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Bá Huy	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính giữa niên độ

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, Công ty đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Nghị quyết số 13/MHC/NQ-ĐHCD ngày 25/4/2019 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và kết quả phát hành cổ phiếu đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết số 28/2019/NQ-HĐQT-MHC ngày 14/8/2019. Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phân phối là 3.763.068 cổ phần, số lượng cổ phiếu phổ thông hiện tại đang lưu hành là 41.406.844 cổ phần.

Đồng thời, Tổng Giám đốc Công ty đang thực hiện hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục để đăng ký lưu ký, đăng ký niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu đã phát hành thêm này và điều chỉnh Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 44, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



PHẠM BÁ HUY

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2019



Số: 010/2019/BCSX-HT.00051

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần MHC

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần MHC (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2019, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần MHC tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty Cổ phần MHC cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề Kiểm toán số 1673-2018-009-1

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 8, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính bắt đầu
từ ngày 01/01/2019 và
kết thúc ngày 30/6/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/6/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2019	01/01/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		474.005.715.584	557.757.691.131
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.992.424.064	1.829.566.054
Tiền	111		1.992.424.064	829.566.054
Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	434.448.219.979	487.555.621.334
Chứng khoán kinh doanh	121		441.765.298.404	498.612.986.879
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(7.317.078.425)	(11.057.365.545)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.320.800.430	66.862.562.312
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	5.981.346.343	7.040.043.476
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		327.688.170	231.400.767
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	12.750.000.000	32.750.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	20.777.948.936	31.357.301.088
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(4.516.183.019)	(4.516.183.019)
Hàng tồn kho	140	5.7	-	1.460.167
Hàng tồn kho	141		-	1.460.167
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.244.271.111	1.508.481.264
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	52.712.989	39.493.123
Thuế GTGT được khấu trừ	152		617.485.969	894.915.988
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	574.072.153	574.072.153
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		161.909.996.297	164.308.515.915
Các khoản phải thu dài hạn	210		151.349.850	151.449.850
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	151.349.850	151.449.850
Tài sản cố định	220		407.490.140	1.857.345.932
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	407.490.140	1.857.345.932
- Nguyên giá	222		1.064.625.372	2.967.452.762
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(657.135.232)	(1.110.106.830)
Bất động sản đầu tư	230	5.9	25.006.197.905	25.775.619.383
- Nguyên giá	231		38.530.325.770	38.530.325.770
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13.524.127.865)	(12.754.706.387)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	136.216.318.402	136.202.500.750
Đầu tư vào công ty con	251		125.350.000.000	125.350.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.437.000.000	4.437.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.000.000.000	10.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.570.681.598)	(3.584.499.250)
Tài sản dài hạn khác	260		128.640.000	321.600.000
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	128.640.000	321.600.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		635.915.711.881	722.066.207.046

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 8, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính bắt đầu
từ ngày 01/01/2019 và
kết thúc ngày 30/6/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30/6/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2019	01/01/2019
NỢ PHẢI TRẢ	300		132.353.863.879	220.971.373.117
Nợ ngắn hạn	310		132.280.282.087	220.937.571.325
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	4.016.686.628	3.960.478.902
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	182.970.287	4.612.816.739
Phải trả người lao động	314		658.763.515	776.065.987
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	3.194.670.827	8.643.705.380
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	245.122.732	11.272.726
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	3.039.147.469	3.158.291.307
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	118.264.474.031	197.782.393.686
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.678.446.598	1.992.546.598
Nợ dài hạn	330		73.581.792	33.801.792
Phải trả dài hạn khác	337	5.15	73.581.792	33.801.792
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		503.561.848.002	501.094.833.929
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	503.561.848.002	501.094.833.929
Vốn góp của chủ sở hữu	411		376.438.960.000	376.438.960.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		376.438.960.000	376.438.960.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		28.614.580.000	28.614.580.000
Cổ phiếu quỹ	415		(1.200.000)	(1.200.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.712.225.710	8.712.225.710
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		89.797.282.292	87.330.268.219
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		86.480.268.219	59.098.106.719
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.317.014.073	28.232.161.500
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		635.915.711.881	722.066.207.046

Người lập biểu

Q.Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2019

Tổng Giám đốc

LÊ THỊ LAN HƯƠNG

MAI VĂN HIỆP



PHẠM BÁ HUY

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 8, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính bắt đầu
từ ngày 01/01/2019 và
kết thúc ngày 30/6/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.884.052.904	4.008.356.573
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		2.884.052.904	4.008.356.573
Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.469.380.261	3.923.769.611
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		414.672.643	84.586.962
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	18.915.237.763	46.965.420.177
Chi phí tài chính	22	6.4	15.738.724.068	18.988.416.421
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	6.4	11.331.359.084	6.718.841.834
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	2.170.477.248	2.272.548.070
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.420.709.090	25.789.042.648
Thu nhập khác	31	6.5	2.495.517.554	-
Chi phí khác	32	6.6	144.959.053	14.044.370
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.350.558.501	(14.044.370)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.771.267.591	25.774.998.278
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	454.253.518	5.045.215.268
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		3.317.014.073	20.729.783.010

Người lập biểu

Q.Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2019
Tổng Giám đốc



LÊ THỊ LAN HƯƠNG



MAI VĂN HIỆP



PHẠM BÁ HUY

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 8, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính bắt đầu
từ ngày 01/01/2019 và
kết thúc ngày 30/6/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		3.771.267.591	25.774.998.278
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		834.386.666	973.046.690
Các khoản dự phòng	03		(3.754.104.772)	(2.865.759.218)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		18.059.900	19.814.261
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.479.280.323)	(575.907.813)
Chi phí lãi vay	06		11.331.359.084	6.718.841.834
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.721.688.146	30.045.034.032
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		14.087.004.434	(37.408.255.811)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		1.460.167	-
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(130.320.877)	(626.667.088)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		179.740.134	19.696.888
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		56.847.688.475	34.267.731.449
Tiền lãi vay đã trả	14		(16.475.779.054)	(11.784.725.166)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.881.398.256)	(1.204.043.776)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	9.801.792
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(164.100.000)	(24.902.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			52.185.983.169	13.293.670.320
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		1.371.041.698	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.123.742.245	2.477.205.341
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		28.494.783.943	2.477.205.341

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 8, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính bắt đầu
từ ngày 01/01/2019 và
kết thúc ngày 30/6/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	326.320.610.515	130.217.129.012
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(405.838.530.170)	(149.299.087.567)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(79.517.919.655)	(19.081.958.555)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.162.847.457	(3.311.082.894)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.829.566.054	6.099.773.319
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		10.553	27.438
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		2.992.424.064	2.788.717.863

Người lập biểu

Q.Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2019
Tổng Giám đốc



LÊ THỊ LAN HƯƠNG



MAI VĂN HIỆP



PHẠM BÁ HUY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần MHC là loại hình công ty cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 056428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/11/1998 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715).

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100793715, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 15/5/2019. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau**1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

Những hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ giao nhận kho vận hàng hóa;
- Buôn bán xuất khẩu và nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Lai dắt tàu biển, bốc xếp hàng hóa và container;
- Đại lý Hàng hải;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thuê hải quan.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Tầng 8, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2019 là 15 người (tại ngày 01/01/2019 là: 20 người).

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 8, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính bắt đầu
từ ngày 01/01/2019 và
kết thúc ngày 30/6/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các công ty con tại ngày 30/6/2019, bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Công ty mẹ tại công ty con		
			% vốn góp	% quyền biểu quyết	% lợi ích
1	Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	Tầng 6, tòa nhà Hải An, đường Đinh Vũ, Phường Đồng Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	100,00%	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH Đầu tư Marina	Tầng 8, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	99,00%	99,00%	100,00%

Các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30/6/2019, bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Công ty mẹ tại công ty liên doanh, liên kết		
			% vốn góp	% quyền biểu quyết	% lợi ích
1	Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam (*)	Số 144-146 đường Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. HCM	51,00%	51,00%	51,00%
2	Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	Số 1 phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội	45,05%	45,05%	45,05%

- (*) Công ty Cổ phần MHC sở hữu 51,00% vốn góp của Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam, tuy nhiên điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" thay vì "Đầu tư vào các công ty con"

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính riêng đã được soát xét cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc ngày 30/6/2018, và báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ tài chính giữa niên độ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc.

Giá trị hợp lý/giá thị trường của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc mỗi kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.6 Tài sản cố định hữu hình***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 năm

4.7 Bất động sản đầu tư***Nguyên giá***

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến của Ban Tổng Giám đốc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các chi phí phát sinh sau khi bắt động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản nắm giữ để cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 25 năm.

4.8 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong kỳ tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.9 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.10 Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả, lãi trái phiếu phát hành và các khoản chi phí phải trả khác.

4.11 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ tài chính.

4.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.13 Trái phiếu thường

Trái phiếu thường của Công ty là trái phiếu ngang giá được ghi nhận bằng mệnh giá trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm mệnh giá của trái phiếu. Định kỳ, kế toán phân bổ chi phí phát hành trái phiếu bằng cách ghi tăng giá trị mệnh giá trái phiếu và ghi nhận vào chi phí tài chính phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Lãi trái phiếu được tính định kỳ và ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Cổ phiếu quỹ:**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16 Doanh thu và thu nhập**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn**

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.17 Chi phí**Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn, chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của kỳ báo cáo.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

4.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Công ty đồng thời lập cả báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, do đó chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và không trình bày trên báo cáo tài chính riêng.

4.20 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30/6/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền mặt	41.547.377	16.534.530
Tiền gửi ngân hàng	1.950.876.687	813.031.524
Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	<u>2.992.424.064</u>	<u>1.829.566.054</u>

(*) Chi tiết các khoản tương đương tiền:

Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, số tiền 1.000.000.000 đồng, kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 4,5%/năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Chứng khoán kinh doanh**

	Mã chứng khoán	30/6/2019				01/01/2019			
		Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị cổ phiếu									
+	Công ty CP Transimex TMS	2	58.355	59.000	-	2	58.355	53.400	-
+	Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn SAB	5.000	350.000.000	1.375.000.000	-	5.000	350.000.000	1.337.500.000	-
+	Công ty CP Chứng khoán IB VIX	1.388.970	7.686.672.740	9.722.790.000	-	1.207.800	7.686.672.740	11.172.150.000	-
+	Công ty CP GTN Foods GTN	-	-	-	-	1.399.750	22.566.510.545	14.417.425.000	(8.149.085.545)
+	Công ty Cổ phần Licoigi 16 LCG	-	-	-	-	300.000	3.124.680.000	2.397.000.000	(727.680.000)
+	Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam GEX	13.043.768	283.920.284.334	286.962.896.000	-	13.142.484	284.885.704.531	291.106.020.600	-
+	Công ty CP cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải MAC	1.732.500	15.001.100.000	11.417.175.000	(3.583.925.000)	1.732.500	15.001.100.000	12.820.500.000	(2.180.600.000)
+	Công ty Cổ phần SCI S99	1.890.000	9.914.850.000	15.838.200.000	-	1.890.000	9.914.850.000	13.815.900.000	-
+	Công ty Cổ phần KIP Việt Nam KIP	130.800	5.226.778.425	1.635.000.000	(3.591.778.425)	130.800	5.226.778.425	5.886.000.000	-
+	Tổng Công ty Thiết bị điện Đồng Anh - Công ty CP TBD	-	-	-	-	436.401	30.747.121.605	36.221.283.000	-
+	Công ty cổ phần DAP-VINACHEM DDV	500.000	4.256.375.000	4.115.000.000	(141.375.000)	-	-	-	-
+	Tổng công ty Viglacera - Công ty CP VGC	1.010.800	20.252.821.200	20.569.780.000	-	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Mã chứng khoán	Số lượng	30/6/2019		Dự phòng VND	01/01/2019		Dự phòng VND
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	
Tổng giá trị trái phiếu							
+ Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TONA	50	50.000.000.011	(*)	-	50.000.000.011	(*)	-
+ Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghiệp và Giáo Dục Hải An	46	45.156.358.339	(*)	-	40.000.363.637	(*)	-
+ Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu Tư Nước Sạch và Môi Trường ECO&MORE	-	-	-	-	29.109.147.030	(*)	-
Cộng		441.765.298.404	351.635.900.000	(7.317.078.425)	498.612.986.879	389.173.832.000	(11.057.365.545)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- (*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.
- (**) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	(11.057.365.545)	(15.149.088.505)
Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ	(5.136.478.425)	(11.365.638.285)
Hoàn nhập dự phòng	8.876.765.545	13.133.488.505
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	(7.317.078.425)	(13.381.238.285)

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 8, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2019						01/01/2019					
	% vốn góp	% quyền biểu quyết	% lợi ích	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% vốn góp	% quyền biểu quyết	% lợi ích	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con												
+ Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	100%	100%	100%	15.000.000.000	-	(**)	100%	100%	100%	15.000.000.000	-	(**)
+ Công ty TNHH Đầu tư Marina Cống	99,00%	99,00%	100%	110.350.000.000	-	(**)	99,00%	99,00%	100%	110.350.000.000	-	(**)
				125.350.000.000						125.350.000.000		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết												
+ Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam (*)	51,00%	51,00%	51,00%	1.734.000.000	(1.734.000.000)	(**)	51,00%	51,00%	51,00%	1.734.000.000	(1.734.000.000)	(**)
+ Công ty cổ phần quản lý và kinh doanh BĐS Hà Nội	45,05%	45,05%	45,05%	2.703.000.000	(1.836.681.598)	(**)	45,05%	45,05%	45,05%	2.703.000.000	(1.850.499.250)	(**)
Cộng				4.437.000.000	(3.570.681.598)					4.437.000.000	(3.584.499.250)	
Đầu tư vào đơn vị khác												
+ Công ty TNHH vận tải Container Hải An	5,00%	5,00%	5,00%	10.000.000.000	-	(**)	5,00%	5,00%	5,00%	10.000.000.000	-	(**)
Cộng				10.000.000.000						10.000.000.000		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- (*) Công ty Cổ phần MHC sở hữu 51,00% vốn góp của Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam, tuy nhiên điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" thay vì "Đầu tư vào các công ty con"
- (**) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.
- Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con (xem tại thuyết minh số 8.2)
 - Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	(3.584.499.250)	(1.185.719.404)
Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ	-	(1.024.490.898)
Hoàn nhập dự phòng	13.817.652	153.237.328
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	(3.570.681.598)	(2.056.972.974)

5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
+ Công ty cổ phần Timescom Toàn Cầu	811.523.098	1.297.661.794
+ Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty xây dựng Lũng Lô	4.516.183.019	4.516.183.019
+ Các khoản phải thu khách hàng khác	653.640.226	1.226.198.663
Cộng	5.981.346.343	7.040.043.476

5.4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Marina	12.750.000.000	32.750.000.000
Cộng	12.750.000.000	32.750.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 8, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính bắt đầu
từ ngày 01/01/2019 và
kết thúc ngày 30/6/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.5. Phải thu khác

	30/6/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
+ Phải thu người lao động	1.419.560.394	-	1.650.000.000	-
+ Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	20.000.000	-
+ Công ty cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn Hà Nội	10.750.000.000	-	-	-
+ Phải thu từ đặt cọc mua trái phiếu	-	-	23.800.000.000	-
+ Phải thu khác	8.588.388.542	-	5.887.301.088	-
Cộng	20.777.948.936	-	31.357.301.088	-

	30/6/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	151.349.850	-	151.449.850	-
Cộng	151.349.850	-	151.449.850	-

5.6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	30/6/2019		Thời gian quá hạn	01/01/2019	
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty xây dựng Lũng Lô	Trên 3 năm	4.516.183.019	-	Trên 3 năm	4.516.183.019	-
		4.516.183.019	-		4.516.183.019	-

(*) Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	(4.516.183.019)	(6.485.345.587)
Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	500.000.000
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	1.469.162.568
Số dư cuối kỳ	(4.516.183.019)	(4.516.183.019)

5.7. Hàng tồn kho

	30/6/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	1.460.167	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Cộng	-	-	1.460.167	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 8, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính bắt đầu
từ ngày 01/01/2019 và
kết thúc ngày 30/6/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư 01/01/2019	2.880.803.754	86.649.008	2.967.452.762
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.902.827.390)	-	(1.902.827.390)
Số dư 30/6/2019	977.976.364	86.649.008	1.064.625.372
Giá trị đã hao mòn lũy kế			
Số dư 01/01/2019	1.027.299.486	82.807.344	1.110.106.830
Khấu hao trong kỳ	61.123.524	3.841.664	64.965.188
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(517.936.786)	-	(517.936.786)
Giảm khác	-	-	-
Số dư 30/6/2019	570.486.224	86.649.008	657.135.232
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2019	1.853.504.268	3.841.664	1.857.345.932
Tại ngày 30/6/2019	407.490.140	-	407.490.140

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 86.649.008 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: không có

5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	01/01/2019 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	38.530.325.770	-	-	38.530.325.770
- Nhà	38.530.325.770	-	-	38.530.325.770
Giá trị đã hao mòn lũy kế	12.754.706.387	769.421.478	-	13.524.127.865
- Nhà	12.754.706.387	769.421.478	-	13.524.127.865
+ Khấu hao trong năm		769.421.478	-	
Giá trị còn lại	25.775.619.383	(769.421.478)	-	25.006.197.905
- Nhà	25.775.619.383	(769.421.478)	-	25.006.197.905

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê: 59.252.000 đồng
- Giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định lại vì không có giao dịch gần đây trên thị trường đối với bất động sản tương tự và cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.10. Chi phí trả trước**

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	-
Các khoản khác	52.712.989	39.493.123
Cộng	52.712.989	39.493.123
	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
b) Dài hạn		
Chi phí mua bảo hiểm	-	-
Chi phí sửa chữa tài sản	128.640.000	321.600.000
Cộng	128.640.000	321.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 8, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/6/2019			Trong kỳ		01/01/2019	
	Thuyết minh	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn		118.264.474.031	118.264.474.031	326.234.110.515	305.838.530.170	97.868.893.686	97.868.893.686
+	Công ty cổ phần chứng khoán Everest	20.254.951.470	20.254.951.470	45.994.088.577	44.965.749.999	19.226.612.892	19.226.612.892
+	Công ty Cổ phần Chứng Khoán IB	-	-	14.510.000.000	25.594.589.614	11.084.589.614	11.084.589.614
+	Công ty cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn Hà Nội	21.327.055.994	21.327.055.994	21.327.055.994	10.699.063.118	10.699.063.118	10.699.063.118
+	Công ty CP chứng khoán Bản Việt - Chi nhánh Hà Nội	28.216.974.902	28.216.974.902	111.886.936.501	111.344.745.986	27.674.784.387	27.674.784.387
+	Công ty CP Chứng Khoán Bảo Việt	31.656.438.431	31.656.438.431	121.666.976.209	112.054.381.453	22.043.843.675	22.043.843.675
+	Công ty TNHH Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam)	9.669.053.234	9.669.053.234	10.849.053.234	1.180.000.000	-	-
+	Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng (*)	7.140.000.000	7.140.000.000	-	-	7.140.000.000	7.140.000.000
+	Trái phiếu phát hành	-	-	-	100.000.000.000	99.913.500.000	99.913.500.000
	Trái phiếu Công ty CP MHC	-	-	86.500.000	100.000.000.000	99.913.500.000	99.913.500.000
Cộng		118.264.474.031	118.264.474.031	326.320.610.515	405.838.530.170	197.782.393.686	197.782.393.686

(*) Khoản vay ngắn hạn đối với Công ty con - Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng, kỳ hạn: 01 năm, lãi suất: 5%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/6/2019		01/01/2019	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
+ Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	988.817.357	988.817.357	988.817.357	988.817.357
+ Công ty CP TM Dầu Khí Cửu Long	405.150.000	405.150.000	405.150.000	405.150.000
+ Hãng đăng kiểm Germanischer Lloyd	396.439.283	396.439.283	395.847.847	395.847.847
+ Howe Robinson & Co.Ltd	312.044.030	312.044.030	310.707.653	310.707.653
+ ISS Machinery Sevices	483.277.333	483.277.333	469.553.388	469.553.388
+ Phải trả cho các đối tượng khác	1.430.958.625	1.430.958.625	1.390.402.657	1.390.402.657
Cộng	4.016.686.628	4.016.686.628	3.960.478.902	3.960.478.902

5.13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**a) Phải nộp**

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập DN	4.581.398.256	454.253.518	4.881.398.256	154.253.518
Thuế thu nhập cá nhân	31.418.483	82.872.842	85.574.556	28.716.769
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	4.612.816.739	540.126.360	4.969.972.812	182.970.287

b) Phải thu

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	574.072.153	-	-	574.072.153
Cộng	574.072.153	-	-	574.072.153

5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí lãi vay	2.498.993.369	7.729.917.337
Các khoản trích trước khác	695.677.458	913.788.043
Cộng	3.194.670.827	8.643.705.380

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.15. Phải trả khác**

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
+ Kinh phí công đoàn	20.343.341	16.652.215
+ Bảo hiểm xã hội	-	16.865.241
+ Bảo hiểm y tế	-	3.219.219
+ Bảo hiểm thất nghiệp	-	1.322.764
+ Cổ tức phải trả	1.035.833.150	1.035.833.150
+ Công ty CP quản lý và Kinh doanh bất động sản Hà nội	1.503.000.000	1.503.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường ECO&MORE	-	67.602.740
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	479.970.978	513.795.978
Cộng	3.039.147.469	3.158.291.307
	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	73.581.792	33.801.792
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
Cộng	73.581.792	33.801.792

5.16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	245.122.732	11.272.726
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	-	-
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	-
Cộng	245.122.732	11.272.726

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.17. Vốn chủ sở hữu**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2018	327.352.100.000	28.614.580.000	(1.200.000)	8.712.225.710	125.202.511.719	489.880.217.429
Tăng vốn trong năm trước	49.086.860.000	-	-	-	28.232.161.500	49.086.860.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	28.232.161.500
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	-	(66.104.405.000)	(66.104.405.000)
Số dư 01/01/2019	376.438.960.000	28.614.580.000	(1.200.000)	8.712.225.710	87.330.268.219	501.094.833.929
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	3.317.014.073	3.317.014.073
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (**)	-	-	-	-	(850.000.000)	(850.000.000)
Số dư 30/6/2019	376.438.960.000	28.614.580.000	(1.200.000)	8.712.225.710	89.797.282.292	503.561.848.002

(*) Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN, bao gồm: chia cổ tức và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

(**) Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN, bao gồm: trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 13/MHC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	376.438.960.000	376.438.960.000
Cộng	376.438.960.000	376.438.960.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	376.438.960.000	327.352.100.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	376.438.960.000	327.352.100.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.643.896	37.643.896
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.643.896	37.643.896
+ Cổ phiếu phổ thông	37.643.896	37.643.896
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	120	120
+ Cổ phiếu phổ thông	120	120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.643.776	37.643.776
+ Cổ phiếu phổ thông	37.643.776	37.643.776
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

đ) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 30/6/2019:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%
(số lượng cổ phiếu phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành)

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ**

a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2019		01/01/2019	
	Ngoại tệ	Tương đương VND	Ngoại tệ	Tương đương VND
USD	105,53	2.464.126	105,53	2.453.573

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/6/2019		01/01/2019	
	Năm xóa sổ	Giá trị VND	Năm xóa sổ	Giá trị VND
+ Công ty TNHH Vận tải Sông Đào	2018	328.000.000	2018	328.000.000
+ Công ty TNHH TM DV Phong Châu	2018	84.000.000	2018	84.000.000
+ Công ty XD Công trình Đường thủy II	2018	45.000.000	2018	45.000.000
+ ACHIEVER	2018	447.223.065	2018	447.223.065
+ Công ty GNVN Quyết Tiến	2018	238.100.000	2018	238.100.000
+ Công ty TNHH HH Wallem Việt Nam	2018	218.016.797	2018	218.016.797
+ Công ty TNHH VTH công nghệ cao	2018	110.000.000	2018	110.000.000
+ OCEAN PARK	2018	2.356.396	2018	2.356.396
+ Bransford International Ltd	2013	1.510.085.635	2013	1.510.085.635
+ Far Shipping Lines Pte Ltd	2013	832.800.000	2013	832.800.000
+ Công ty Obayashi Việt Nam	2013	671.955.900	2013	671.955.900
+ Công ty TNHH Đèn hình Orion Hanel	2012	1.007.000.000	2012	1.007.000.000
+ Tổng Công ty Xây dựng số 1	2012	353.441.000	2012	353.441.000
+ Các khoản công nợ khó đòi khác	2012	1.406.380.106	2012	1.406.380.106
Cộng		7.254.358.899		7.254.358.899

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.884.052.904	4.008.356.573
+ Dịch vụ vận tải	9.062.774	1.145.735.491
+ Dịch vụ cho thuê văn phòng	2.874.990.130	2.862.621.082
Cộng	2.884.052.904	4.008.356.573
	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV vận tải và dịch vụ	220.230.510	215.823.142
Hàng hải Hải Phòng		
Cộng	220.230.510	215.823.142

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.567.430.802	3.923.769.611
+ Dịch vụ vận tải	-	1.221.719.394
+ Dịch vụ cho thuê văn phòng	2.567.430.802	2.702.050.217
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	(98.050.541)	-
Cộng	2.469.380.261	3.923.769.611

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.613.092.922	9.407.813
Lãi trái phiếu	6.504.676.461	13.501.916.264
Lãi bán các khoản đầu tư	9.297.468.380	32.887.596.100
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.500.000.000	566.500.000
Cộng	18.915.237.763	46.965.420.177

6.4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	11.331.359.084	6.718.841.834
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	8.115.399.403	13.048.521.583
Lỗ chênh lệch tỷ giá	18.059.900	19.814.261
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	5.136.478.425	12.390.129.183
Chi phí tài chính khác	28.010.453	97.835.393
Các khoản hoàn nhập dự phòng	(8.890.583.197)	(13.286.725.833)
Cộng	15.738.724.068	18.988.416.421

6.5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Tiền phạt thu được	2.492.153.425	-
Các khoản khác	3.364.129	-
Cộng	2.495.517.554	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.6. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	138.489.060	-
Các khoản bị phạt	6.469.993	14.044.370
Các khoản khác	-	-
Cộng	144.959.053	14.044.370

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	2.170.477.248	2.772.548.070
Chi phí nhân viên quản lý	1.294.349.370	1.362.855.689
Chi phí đồ dùng văn phòng	60.929.864	31.835.794
Chi phí khấu hao tài sản cố định	64.965.188	66.886.026
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	528.103.547	773.587.074
Chi phí bằng tiền khác	219.129.279	534.383.487
b) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	-	(500.000.000)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(500.000.000)
Cộng	2.170.477.248	2.272.548.070

6.8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	136.649.940	172.079.681
Chi phí nhân công	1.826.485.141	2.276.532.432
Chi phí khấu hao tài sản cố định	834.386.666	973.046.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.373.773.607	1.674.886.785
Chi phí khác bằng tiền	468.562.155	1.099.772.093
Cộng	4.639.857.509	6.196.317.681

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
		VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		454.253.518	5.045.215.268
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(i)	454.253.518	5.045.215.268
		Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
		VND	VND
(i) Chi tiết chi phí thuế TNDN hiện hành			
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế		3.771.267.591	25.774.998.278
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán		(1.500.000.000)	(548.921.940)
Các khoản điều chỉnh tăng		-	17.578.060
+ Các khoản phạt		-	14.044.370
+ Các khoản điều chỉnh tăng khác		-	3.533.690
Các khoản điều chỉnh giảm		1.500.000.000	566.500.000
+ Lợi nhuận được chia		1.500.000.000	566.500.000
+ Các khoản điều chỉnh giảm khác		-	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước		2.271.267.591	25.226.076.338
Lỗ năm trước chuyển sang		-	-
Thu nhập chịu thuế hiện hành		2.271.267.591	25.226.076.338
Thuế suất		20%	20%
Thuế TNDN phải trả hiện hành		454.253.518	5.045.215.268

6.10. Lãi trên cổ phiếu

Công ty đồng thời lập cả báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, do đó thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	-	-
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-	-
Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	-
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-	-
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	326.320.610.515	130.217.129.012
Cộng	326.320.610.515	130.217.129.012

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	-	-
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	100.000.000.000	-
Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	-	-
Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-	-
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	305.838.530.170	149.299.087.567
Cộng	405.838.530.170	149.299.087.567

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, Công ty đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Nghị quyết số 13/MHC/NQ-ĐHČĐ ngày 25/4/2019 của ĐHČĐ thường niên năm 2019 và kết quả phát hành cổ phiếu đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết số 28/2019/NQ-HĐQT-MHC ngày 14/8/2019. Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phân phối là 3.763.068 cổ phần, số lượng cổ phiếu phổ thông hiện tại đang lưu hành là 41.406.844 cổ phần.

Đồng thời, Tổng Giám đốc Công ty đang thực hiện hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục để đăng ký lưu ký, đăng ký niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu đã phát hành thêm này và điều chỉnh Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***8.2 Thông tin về các bên liên quan**

a) Thông tin về các bên liên quan

TT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	Công ty con
2	Công ty TNHH Đầu tư Marina	Công ty con
3	Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam	Công ty liên doanh liên kết
4	Công ty cổ phần quản lý và kinh doanh BĐS Hà Nội	Công ty liên doanh liên kết
5	Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Quản lý chủ chốt của Công ty

b) Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 VND
1	Tiền lương, thưởng, phụ cấp, thù lao	HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	345.164.286	690.033.333

c) Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ/Giao dịch	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 VND
1	Công ty TNHH MTV vận tải và dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	Công ty con		
+	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ		220.230.510	215.823.142
		Dịch vụ cho thuê văn phòng	220.230.510	215.823.142
+	Mua hàng hóa, nhận dịch vụ		179.491.668	179.491.668
		Chi phí lãi vay	179.491.668	179.491.668
2	Công ty TNHH Đầu tư Marina	Công ty con		
+	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ		1.585.684.932	-
		Lãi cho vay trong kỳ	1.585.684.932	-
+	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		20.000.000.000	-
		Thu tiền gốc cho vay	20.000.000.000	-
+	Thu hồi tiền chi hộ		-	32.816.000
		Thu hồi tiền chi hộ	-	32.816.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

d) Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND
1	Phải thu về cho vay ngắn hạn			
+	Công ty TNHH Đầu tư Marina	Công ty con	12.750.000.000	32.750.000.000
2	Phải thu khác			
+	Công ty TNHH Đầu tư Marina	Công ty con	1.639.520.548	53.835.616
+	Công ty TNHH MTV vận tải và dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	Công ty con	1.559.909.695	1.104.221.131
3	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
+	Công ty TNHH MTV vận tải và dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	Công ty con	194.031.820	-
4	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			
+	Công ty TNHH MTV vận tải và dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	Công ty con	7.140.000.000	7.140.000.000
5	Chi phí phải trả			
+	Công ty TNHH MTV vận tải và dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	Công ty con	2.151.586.122	1.972.094.454
6	Phải trả ngắn hạn khác			
+	Công ty CP quản lý và Kinh doanh bất động sản Hà nội	Công ty liên doanh liên kết	1.503.000.000	1.503.000.000

8.3 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

Các khoản mục không được phân chia bao gồm: tài sản và nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 8, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại
Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết
thúc ngày 30/6/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- a) Kết quả hoạt động kinh doanh phân chia theo bộ phận của kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Khoản mục	Hoạt động đầu tư VND	Hoạt động cho thuê văn phòng VND	Hoạt động vận tải VND	Hoạt động không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần của bộ phận	18.887.829.773	2.874.990.130	9.062.774		21.771.882.677
Chi phí của bộ phận	15.513.162.047	2.567.430.802	(98.050.541)		17.982.542.308
Kết quả kinh doanh của bộ phận	3.374.667.726	307.559.328	107.113.315		3.789.340.369
Doanh thu không phân bổ				27.407.990	27.407.990
Chi phí không phân bổ				2.396.039.269	2.396.039.269
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					1.420.709.090
Thu nhập khác					2.495.517.554
Chi phí khác					144.959.053
Chi phí thuế TNDN					454.253.518
Lợi nhuận sau thuế TNDN					3.317.014.073

- b) Kết quả hoạt động kinh doanh phân chia theo bộ phận của kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc ngày 30/6/2018

Khoản mục	Hoạt động đầu tư VND	Hoạt động cho thuê văn phòng VND	Hoạt động vận tải VND	Hoạt động không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần của bộ phận	46.956.012.364	2.862.621.082	1.145.735.491		50.964.368.937
Chi phí của bộ phận	18.691.275.099	2.702.050.217	1.221.719.394		22.615.044.710
Kết quả kinh doanh của bộ phận	28.264.737.265	160.570.865	(75.983.903)		28.349.324.227
Doanh thu không phân bổ				9.407.813	9.407.813
Chi phí không phân bổ				2.569.689.392	2.569.689.392
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					25.789.042.648
Thu nhập khác					-
Chi phí khác					14.044.370
Chi phí thuế TNDN					5.045.215.268
Lợi nhuận sau thuế TNDN					20.729.783.010

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 8, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại
Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết
thúc ngày 30/6/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

c) Tài sản và nợ phải trả phân chia theo bộ phận tại ngày 30/6/2019

Khoản mục	Hoạt động đầu tư VND	Hoạt động cho thuê văn phòng VND	Hoạt động vận tải VND	Hoạt động không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	590.366.199.016				590.366.199.016
Tài sản không phân bổ				45.549.512.865	45.549.512.865
Tổng tài sản					635.915.711.881
Nợ phải trả bộ phận	112.167.558.736				112.167.558.736
Nợ phải trả không phân bổ				20.186.305.143	20.186.305.143
Tổng nợ phải trả					132.353.863.879

d) Tài sản và nợ phải trả phân chia theo bộ phận tại ngày 01/01/2019

Khoản mục	Hoạt động đầu tư VND	Hoạt động cho thuê văn phòng VND	Hoạt động vận tải VND	Hoạt động không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	660.957.722.692				660.957.722.692
Tài sản không phân bổ				61.108.484.354	61.108.484.354
Tổng tài sản					722.066.207.046
Nợ phải trả bộ phận	197.314.004.612				197.314.004.612
Nợ phải trả không phân bổ				23.657.368.505	23.657.368.505
Tổng nợ phải trả					220.971.373.117

Bộ phận theo khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (Trong nước) hay ở các nước khác Việt Nam (Nước ngoài). Tài sản bộ phận và chỉ tiêu vốn không được trình bày do vị trí của tài sản và việc sản xuất chủ yếu là Việt Nam

8.4 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc ngày 30/6/2018 của Công ty đã được soát xét.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Một vài số liệu so sánh đã được trình bày lại nhằm mục đích so sánh với số liệu kỳ này. Cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán riêng

Khoản mục	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	97.868.893.686	99.913.500.000	197.782.393.686
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	99.913.500.000	(99.913.500.000)	-

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu**Q.Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****LÊ THỊ LAN HƯƠNG****MAI VĂN HIỆP**
PHẠM BÁ HUY